

BẢN SAO

Handwritten signature

Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Hà Nội

Báo cáo Tài chính cho năm tài chính
kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014
kèm theo Báo cáo Kiểm toán Độc lập



Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Hà Nội

Báo cáo Tài chính cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mục lục

Nội dung	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	1
Báo cáo Kiểm toán Độc lập	3
Bảng Cân đối Kế toán	6
Báo cáo Kết quả Hoạt động Kinh doanh	8
Báo cáo Lưu chuyển Tiền tệ	9
Thuyết minh Báo cáo Tài chính	10

Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Hà Nội

Báo cáo Tài chính cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Hà Nội ("Công ty") trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.

1. Thông tin về Công ty

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Hà Nội ("Công ty") là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100106916 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 14 tháng 1 năm 2005. Trong quá trình hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty đã được sửa đổi nhiều lần. Sau đó, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty tiếp tục được sửa đổi như sau:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh

Nội dung điều chỉnh

Lần 13 ngày 27 tháng 12 năm 2012

Bổ sung ngành nghề kinh doanh

Vốn điều lệ của Công ty ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 10 tỷ đồng.

1.2. Địa chỉ Công ty

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 249 Thụy Khuê, phường Thụy Khuê, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

1.3. Lĩnh vực và hoạt động kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Công ty hoạt động chủ yếu trong các lĩnh vực sau:

- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Vận tải hành khách trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);
- Hoạt động của các đại lý du lịch, kinh doanh tua du lịch;
- Bán ô tô và xe có động cơ khác; Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa, tư vấn giao nhận hàng hóa;
- Kinh doanh các mặt hàng mỹ phẩm, hóa mỹ phẩm (trừ mỹ phẩm có hại cho sức khỏe con người); Kinh doanh phân bón các loại; Phòng khám chuyên khoa răng hàm mặt;
- Dịch vụ trông giữ xe; Kinh doanh khí hóa lỏng (gas), dầu mỡ, dầu nhờn;
- Lắp đặt trang thiết bị cho các công trình xây dựng; Xây dựng các công trình công nghiệp, nông nghiệp, giao thông, thủy lợi, công trình văn hóa; Thi công, xây dựng và lắp đặt máy móc thiết bị phục vụ cho công trình thể dục, thể thao, vui chơi giải trí;
- Gia công, lắp đặt, sửa chữa, bảo trì trang thiết bị nội, ngoại thất;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
- Kinh doanh dụng cụ thể thao và các thiết bị phục vụ thể thao;
- Kinh doanh vận chuyển hàng hóa;
- Kinh doanh các mặt hàng: nông, lâm, hải sản, hàng thủ công mỹ nghệ, khoáng sản, vật tư hàng hóa máy móc, thiết bị, sắt thép kim loại màu các loại, trang thiết bị y tế, linh kiện, phụ kiện đa ngành phục vụ sản xuất, tiêu dùng, và xuất khẩu hàng hóa (trừ các loại hóa chất Nhà nước cấm kinh doanh); Kinh doanh thuốc lá, bia, nước giải khát;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu các loại hàng hóa: sắt thép xây dựng, đồ điện, trang thiết bị vật tư điện, vật liệu điện (sứ cách điện), trang thiết bị nội thất, trang thiết bị vệ sinh;
- Kinh doanh cho thuê văn phòng;
- Kinh doanh xe máy, phương tiện đi lại và các ngành hàng điện lạnh, điện tử, đồ điện;
- Kinh doanh rượu; Đại lý bán xăng dầu theo quy định hiện hành;
- Kinh doanh khách sạn và các dịch vụ khách sạn; Tổ chức các dịch vụ phục vụ đời sống;
- Tổ chức sản xuất, gia công, chế biến, đại lý, ký gửi các sản phẩm, hàng hóa của Doanh nghiệp được phép kinh doanh như: ngành hàng vật liệu xây dựng, trang trí nội thất, đồ mộc;
- Kinh doanh hàng hóa tiêu dùng, tư liệu sản xuất và các phế liệu kim loại;

Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Hà Nội

Báo cáo Tài chính cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)

- Kinh doanh sắt thép xây dựng, xi măng, giấy dầu, gạch ngói và hàng trang trí nội thất;
- Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

Năm 2014, hoạt động chính của Công ty là kinh doanh vật liệu xây dựng và cho thuê văn phòng.

1.4. Số lượng nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty có 35 nhân viên (2013: 47 nhân viên).

2. Đơn vị kiểm toán

Đơn vị kiểm toán, Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội, đã kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, và sẵn sàng chấp thuận được tiếp tục chỉ định là đơn vị kiểm toán của Công ty.

3. Thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

Thành viên của Hội đồng Quản trị Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Bạch Anh Đào	Chủ tịch	9 tháng 5 năm 2014	-
Bà Nguyễn Thanh Mai	Chủ tịch	15 tháng 6 năm 2012	9 tháng 5 năm 2014
Bà Đặng Thị Mùi	Thành viên	30 tháng 3 năm 2010	-
Ông Trần Đình Việt	Thành viên	8 tháng 5 năm 2014	-

Thành viên của Ban Giám đốc Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Bạch Anh Đào	Giám đốc	1 tháng 12 năm 2012

4. Sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán

Ban Giám đốc Công ty xác định không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ khi kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính.

5. Xác nhận của Ban Giám đốc

Tôi, Bạch Anh Đào, Giám đốc Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Hà Nội, đại diện cho Ban Giám đốc xác nhận rằng, theo ý kiến của Ban Giám đốc, bảng cân đối kế toán kèm theo của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, và các báo cáo liên quan về kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày. Các báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



BẠCH ANH ĐÀO

Giám đốc

Hà Nội, ngày 5 tháng 2 năm 2015

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Số: 14-01-106

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Hà Nội**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Hà Nội (“Công ty”), được lập ngày 5 tháng 2 năm 2015, từ trang 6 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho chúng tôi đưa ra ý kiến kiểm toán trái ngược.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán trái ngược

Đến ngày lập báo cáo kiểm toán này, chúng tôi chưa nhận được đầy đủ xác nhận cho số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 của các khoản công nợ phải thu khách hàng, người mua trả tiền trước, phải thu khác, tạm ứng, phải trả người bán, trả trước cho người bán, vay và phải trả, phải nộp khác của Công ty. Chúng tôi cũng không thể thực hiện được thủ tục kiểm toán nào khác để xác định được tính hiện hữu, đầy đủ và chính xác của các khoản mục này cũng như ảnh hưởng đến các khoản mục khác có liên quan trên báo cáo tài chính kèm theo của Công ty.

Số dư công nợ phải thu khách hàng và khoản tạm ứng cần trích lập dự phòng tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2014 đang được Công ty trích thiếu. Theo ước tính số dự phòng công nợ phải thu và tạm ứng cần trích lập bổ sung theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính với số tiền tương ứng là 21,4 tỷ đồng và 2,1 tỷ đồng. Theo đó, chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp trên báo cáo kết quả kinh doanh và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán đang trình bày cao hơn số tiền tương ứng.

Bao gồm trong khoản mục Phải thu khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, tồn tại số tiền 392.631.037 đồng là chi phí cổ phần hóa. Tuy nhiên, Công ty chưa thực hiện ghi nhận các chi phí này vào chi phí của các năm tương ứng.

Bao gồm trong khoản mục Chi phí trả trước dài hạn, khoản chi phí lãi vay của năm 2012 là 1.107.000.000 đồng chưa được ghi nhận vào chi phí trong năm 2012 và vẫn đang được phản ánh trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Trong khoản mục Chi phí trả trước dài hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, giá trị còn lại của Lợi thế kinh doanh của Công ty do đánh giá lợi thế vị trí địa lý khi xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm cổ phần hóa (năm 2005) là khoảng 2,7 tỷ đồng. Tuy nhiên, Công ty chưa thực hiện phân bổ chi phí này vào chi phí của các năm tương ứng.

Theo hợp đồng kinh tế số 2906/HĐXD - CPVLXD/2010 ngày 29 tháng 6 năm 2010 về thi công cọc khoan nhồi dự án Siêu thị và Văn phòng cho thuê tại 389 La Thành thì Công ty đã ứng trước tiền thi công cho Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội với số tiền khoảng 3,4 tỷ đồng từ các năm trước năm 2014 (giá trị hợp đồng là 5.391.109.091 đồng). Tuy nhiên, đến hiện tại thì giữa hai bên chưa nghiệm thu, quyết toán giá trị dự án này. Ngoài ra, tổng số chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang như khảo sát địa chất, xin giấy phép xây dựng, thuê tư vấn giám sát, lãi vay... đã tập hợp đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2014 của dự án này là khoảng 3,6 tỷ đồng. Tổng giá trị đầu tư cho dự án này khoảng 7 tỷ đồng. Do không thể xác định được tiến độ, thời điểm hoàn thành, tình hình thanh quyết toán và giá trị hữu ích của dự án này nên chúng tôi không thể đánh giá được ảnh hưởng (nếu có) của việc đầu tư này tới các khoản mục liên quan khác trên báo cáo tài chính kèm theo của Công ty.

Trong năm, Công ty đã ghi nhận thiếu chi phí lãi vay phải trả Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội, số tiền ước tính khoảng 280 triệu đồng. Theo đó, chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp trên báo cáo kết quả kinh doanh và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán đang trình bày thiếu số tiền tương ứng.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Ý kiến kiểm toán trái ngược

Theo ý kiến của chúng tôi, do tầm quan trọng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán trái ngược”, báo cáo tài chính kèm theo đã không phản ánh hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Hà Nội tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, không phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam



NGUYỄN TIẾN DŨNG

Giám đốc

Giấy CN ĐKHN Kiểm toán

Số: 0800-2013-042-1

HÀ NỘI

Ngày 5 tháng 2 năm 2015

VŨ VĂN SANG

Kiểm toán viên

Giấy CN ĐKHN Kiểm toán

Số: 1986-2013-042-1

Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Hà Nội

Bảng Cân đối Kế toán
tại ngày 31 tháng 12 năm 2014
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	31.12.2014	31.12.2013
A. Tài sản ngắn hạn	100		45.921.878.027	60.400.486.288
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		94.954.506	7.425.126.153
1. Tiền	111	3	94.954.506	7.425.126.153
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		35.034.269.101	39.551.044.198
1. Phải thu khách hàng	131		30.212.088.500	35.298.351.957
2. Trả trước cho người bán	132		3.703.256.382	3.809.238.200
5. Các khoản phải thu khác	135	4	1.118.924.219	443.454.041
IV. Hàng tồn kho	140	5	8.101.338.153	9.989.652.748
1. Hàng tồn kho	141		8.101.338.153	9.989.652.748
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.691.316.267	3.434.663.189
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	6	91.489.801	84.027.235
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	13	20.166.388	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	7	2.579.660.078	3.350.635.954
B. Tài sản dài hạn	200		23.551.516.734	21.517.778.529
II. Tài sản cố định	220		11.410.278.358	9.481.322.476
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	1.842.287.981	2.228.751.711
- Nguyên giá	222		3.876.103.693	5.004.563.012
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.033.815.712)	(2.775.811.301)
3. Tài sản cố định vô hình	227	9	21.500.000	38.500.000
- Nguyên giá	228		95.000.000	95.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(73.500.000)	(56.500.000)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	9.546.490.377	7.214.070.765
III. Bất động sản đầu tư	240	11	6.952.929.491	7.194.819.071
- Nguyên giá	241		8.466.135.287	8.466.135.287
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(1.513.205.796)	(1.271.316.216)
V. Tài sản dài hạn khác	260		5.188.308.885	4.841.636.982
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	5.188.308.885	4.841.636.982
Tổng cộng tài sản	270		69.473.394.761	81.918.264.817

Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Hà Nội

Bảng Cân đối Kế toán

tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Nguồn vốn	Mã số	Thuyết minh	31.12.2014	31.12.2013
A. Nợ phải trả	300		56.665.583.222	66.558.880.241
I. Nợ ngắn hạn	310		20.581.338.712	35.068.440.521
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	17	11.529.000.000	18.048.236.662
2. Phải trả người bán	312		1.065.620.106	3.525.500.473
3. Người mua trả tiền trước	313		2.212.377.700	4.778.870.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	2.407.644.040	7.702.282.080
5. Phải trả người lao động	315		99.307.458	-
6. Chi phí phải trả	316	15	498.672.664	324.563.993
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	14	2.670.464.268	665.242.887
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		98.252.476	23.744.426
II. Nợ dài hạn	330		36.084.244.510	31.490.439.720
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	16	36.084.244.510	31.490.439.720
B. Vốn chủ sở hữu	400		12.807.811.539	15.359.384.576
I. Vốn chủ sở hữu	410	18	12.807.811.539	15.359.384.576
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		10.000.000.000	10.000.000.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		1.852.579.084	1.695.578.934
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		676.802.313	370.995.039
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		278.430.142	3.292.810.603
Tổng cộng nguồn vốn	440		69.473.394.761	81.918.264.817

Các chỉ tiêu ngoài Bảng Cân đối Kế toán:

Chỉ tiêu	31.12.2014	31.12.2013
5. Ngoại tệ các loại (USD)	200	200,61

Thuyết minh Báo cáo Tài chính kèm theo là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính.



Ngày 5 tháng 2 năm 2015

BẠCH ANH ĐÀO
Giám đốc

HOÀNG KIM DUNG
Kế toán trưởng

Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Hà Nội

Báo cáo Kết quả Hoạt động Kinh doanh
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	2014	2013
1. Doanh thu	01	19	27.666.457.065	66.324.377.857
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			-
3. Doanh thu thuần	10		27.666.457.065	66.324.377.857
4. Giá vốn hàng bán	11	20-21	(22.675.562.530)	(45.846.917.768)
5. Lợi nhuận gộp	20		4.990.894.535	20.477.460.089
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	1.446.695.501	22.475.463
7. Chi phí tài chính	22	23	(1.257.576.718)	(3.651.658.094)
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		(1.257.576.718)	(3.651.658.094)
8. Chi phí bán hàng	24	24	(2.655.422.814)	(3.329.211.152)
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	25	(3.690.946.955)	(6.013.650.887)
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		(1.166.356.451)	7.505.415.419
11. Thu nhập khác	31	26	1.656.403.004	128.000.000
12. Chi phí khác	32	27	(490.024.135)	(8.283.283)
13. Lợi nhuận khác	40		1.166.378.869	119.716.717
14. Lợi nhuận kế toán trước thuế	50		22.418	7.625.132.136
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	13	-	(4.325.129.137)
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế	60		22.418	3.300.002.999
18. Lãi cơ bản trên cổ phần	70	28	-	3.300

Thuyết minh Báo cáo Tài chính kèm theo là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính.



BẠCH ANH ĐÀO
Giám đốc

HOÀNG KIM DUNG
Kế toán trưởng

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH.

Số chứng thực: 00446 Quyển số: 01 SCT/BS

Ngày: 22-01-2016



PHÓ CHỦ TỊCH
Nguyễn Tuyết Trinh

Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Hà Nội

Báo cáo Lưu chuyển Tiền tệ (phương pháp gián tiếp)
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Mã số	2014	2013
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	22.418	7.625.132.136
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao và phân bổ	02	1.368.376.341	921.412.469
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(1.402.131.521)	(15.822.992.011)
Chi phí lãi vay	06	1.257.576.718	3.651.658.094
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động			
Thay đổi các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09	5.287.750.973	5.912.470.576
Thay đổi hàng tồn kho	10	1.888.314.595	2.069.713.746
Thay đổi các khoản phải trả	11	(1.692.812.498)	(14.936.010.176)
Thay đổi chi phí trả trước	12	(7.462.566)	2.433.505.919
Tiền lãi vay đã trả	13	(1.185.457.283)	(2.515.783.364)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(4.325.129.137)	(3.679.044)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	1.189.048.040	(10.664.571.655)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(3.857.235.230)	(2.259.516.723)
2. Thu nhượng bán tài sản	22	410.556.704	23.954.545.454
7. Thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.446.695.501	22.475.463
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.999.983.025)	21.717.504.194
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3. Vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	9.822.500.000	36.483.957.931
4. Chi trả nợ gốc vay	34	(16.341.736.662)	(40.469.479.564)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả	36	-	(222.885.885)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(6.519.236.662)	(4.208.407.518)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(7.330.171.647)	6.844.525.021
Tiền tồn đầu năm	60	7.425.126.153	580.601.132
Tiền tồn cuối năm	70	94.954.506	7.425.126.153

Thuyết minh Báo cáo Tài chính kèm theo là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính.



BẠCH ANH ĐÀO
Giám đốc

HOÀNG KIM DUNG
Kế toán trưởng

Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Hà Nội

Thuyết minh Báo cáo Tài chính
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

1. Thông tin về công ty

Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Hà Nội ("Công ty") là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100106916 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 14 tháng 1 năm 2005. Trong quá trình hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty đã được sửa đổi nhiều lần. Sau đó, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty tiếp tục được sửa đổi như sau:

<u>Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh</u>	<u>Nội dung điều chỉnh</u>
Lần 13 số 0100106916 ngày 27 tháng 12 năm 2012	Bổ sung ngành nghề kinh doanh

Vốn điều lệ của Công ty ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 10 tỷ đồng.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 249 Thụy Khuê, phường Thụy Khuê, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Trong năm 2014, hoạt động chính của Công ty là kinh doanh vật liệu xây dựng và cho thuê văn phòng.

2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2. Cơ sở lập báo cáo

Báo cáo tài chính được lập bằng đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung tại Việt Nam. Các nguyên tắc này bao gồm các quy định tại các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định về kế toán hiện hành tại Việt Nam. Do đó, bảng cân đối kế toán và các báo cáo liên quan về kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ và việc sử dụng chúng không được lập cho những người không được thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và phương pháp kế toán của Việt Nam, và hơn nữa, không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ, phù hợp với các nguyên tắc và phương pháp kế toán được thừa nhận chung ở các nước và thể chế khác ngoài Việt Nam.

2.3. Áp dụng Luật Kế toán và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam

a) Luật Kế toán

Trong năm, Công ty đã tuân thủ Luật Kế toán ban hành ngày 17 tháng 6 năm 2003 và Nghị định kèm theo số 129/2004/NĐ-CP ban hành ngày 31 tháng 5 năm 2004 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Kế toán áp dụng trong hoạt động kinh doanh.

b) Chuẩn mực Kế toán Việt Nam

Trong năm, Công ty đã áp dụng Chế độ Kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006, và trong phạm vi liên quan, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện.

2.4. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

a) Nguyên tắc xác định các khoản tiền mặt, tiền gửi ngân hàng

Tiền mặt là khoản tiền tồn tại quỹ tại Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền gửi ngân hàng là các khoản gửi tại các ngân hàng được phép hoạt động hợp pháp tại Việt Nam tại ngày kết thúc năm tài chính.

Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Hà Nội

Thuyết minh Báo cáo Tài chính

cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

b) Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại ngày kết thúc năm tài chính.

c) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Trong năm, Công ty sử dụng tỷ giá quy đổi ngoại tệ theo quy định tại Thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

- Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND phát sinh trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh;
- Các khoản mục tài sản và công nợ tiền tệ có gốc bằng các đơn vị tiền tệ khác với VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại thời điểm cuối năm tài chính. Trường hợp ngân hàng thương mại này không công bố tỷ giá của đồng ngoại tệ đó thì phải quy đổi thông qua tỷ giá của một số đơn vị ngoại tệ chủ yếu mà Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố theo tỷ giá giao dịch bình quân của các ngân hàng tại thời điểm đánh giá lại.

Trong năm, Công ty thực hiện xử lý chênh lệch tỷ giá theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 và Thông tư 179 nói trên, cụ thể như sau:

- Trong giai đoạn sản xuất, kinh doanh, kể cả việc đầu tư xây dựng để hình thành tài sản cố định khi Công ty đang hoạt động, chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ các giao dịch bằng ngoại tệ sẽ được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính;
- Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ. Công ty không được chia lợi nhuận hoặc trả cổ tức trên **khoản lãi** chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ kế toán của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

2.5. Công cụ tài chính

Trong năm, Công ty đã áp dụng quy định tại Thông tư 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 về hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"). Theo đó, các chính sách kế toán về việc ghi nhận, xác định và trình bày các khoản mục tài sản và công nợ tài chính được thể hiện trong phần Thuyết minh này hoặc các Thuyết minh về các khoản mục liên quan trong báo cáo tài chính này.

Các công cụ tài chính được phân loại như tài sản, các khoản nợ phải trả tài chính hoặc vốn chủ sở hữu phù hợp với những điều khoản ràng buộc trong hợp đồng hoặc các thỏa thuận tương tự. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận, các khoản lỗ và lãi có liên quan đến công cụ tài chính hoặc cấu phần của nó là nợ tài chính phải trả được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Cổ tức, lợi nhuận trả cho các cổ đông được ghi giảm trực tiếp vào vốn chủ sở hữu. Trường hợp hợp cổ phiếu ưu đãi được phân loại là nợ phải trả thì khoản phải trả về cổ tức cho các cổ đông của cổ phiếu ưu đãi đó được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ vào giá trị thuần sẽ được trình bày trên báo cáo tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các khoản đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả tại cùng một thời điểm.

Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Hà Nội

Thuyết minh Báo cáo Tài chính

cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Cụ thể:

i) Công cụ tài chính - Ghi nhận ban đầu và trình bày

- Tài sản tài chính

Theo Thông tư 210, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích trình bày trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính niêm yết và không niêm yết.

- Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo Thông tư 210 được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích trình bày trong các báo cáo tài chính, thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị phân bổ thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Công ty quyết định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác, trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi, nợ và vay.

ii) Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên báo cáo tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các khoản đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả tại cùng một thời điểm.

2.6. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được phản ánh theo giá trị ước tính có thể thu hồi sau khi trừ đi dự phòng các khoản phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa vào đánh giá của Ban Giám đốc về các khoản nợ không có khả năng thu hồi.

Các khoản phải thu khách hàng, trả trước người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo:

- Nếu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới một năm hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Nếu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên một năm hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Hà Nội

Thuyết minh Báo cáo Tài chính
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

2.7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho, bao gồm cả sản phẩm dở dang, được đánh giá theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được, sau khi lập dự phòng cho các loại hàng hư hỏng, lỗi thời. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trừ các chi phí tiếp thị và phân phối sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá vốn hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

2.8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Khi tài sản được bán hay không được sử dụng nữa, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được loại khỏi tài khoản và lãi lỗ phát sinh từ việc thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua của tài sản, thuế nhập khẩu, các khoản thuế trực thu và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã được đưa vào sử dụng, như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu, thường được hạch toán vào hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh chi phí. Trong trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng là các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế tương lai ước tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt quá tiêu chuẩn hoạt động đánh giá ban đầu của tài sản, thì các chi phí này được vốn hóa làm tăng nguyên giá của tài sản cố định hữu hình.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

<u>Tài sản</u>	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	11 - 25
Phương tiện vận tải	8
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5

2.9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo Chuẩn mực kế toán số 04 - "Tài sản cố định vô hình", ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 và Thông tư 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực trên.

Phần mềm máy tính

Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao trong 6 năm.

2.10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh giá trị nhà xưởng và máy móc thiết bị chưa được hoàn thành việc xây dựng và lắp đặt và được thể hiện theo nguyên giá. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang không được trích khấu hao cho tới khi các tài sản đó hoàn thành và được đưa vào sử dụng.

Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Hà Nội

Thuyết minh Báo cáo Tài chính

cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

2.11. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

<u>Tài sản</u>	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	35

Khi thanh lý/nhượng bán, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của bất động sản đầu tư được loại khỏi tài khoản và lãi lỗ phát sinh từ việc thanh lý được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng thành bất động sản đầu tư chỉ được thực hiện khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ được thực hiện khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán.

2.12. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay gồm: Lãi tiền vay ngắn hạn.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ ngoại trừ các khoản được vốn hóa. Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó). Chi phí đi vay được vốn hóa khi Công ty chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí đi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

Tài sản dở dang là tài sản đang trong quá trình đầu tư xây dựng và tài sản đang trong quá trình sản xuất cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán.

2.13. Chi phí chờ phân bổ và chi phí trả trước dài hạn

Chi phí chờ phân bổ được trình bày ở khoản mục chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán. Các khoản mục này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế dự kiến được tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian từ 2 đến 10 năm:

- Chi phí trợ cấp thôi việc;
- Chi phí lãi ngân hàng;
- Lợi thế kinh doanh;
- Chi phí trả trước khác.

Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Hà Nội

Thuyết minh Báo cáo Tài chính
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

2.14. Các khoản phải trả người bán

Các khoản phải trả người bán bao gồm các khoản phải trả cho nhà cung cấp tài sản, vật tư, hàng hóa, dịch vụ... được theo dõi chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Trong trường hợp vật tư, hàng hóa, dịch vụ đã nhận nhưng đến cuối kỳ vẫn chưa có hóa đơn thì kế toán sử dụng giá tạm tính để ghi sổ trị giá các khoản phải trả và hàng nhập chưa có hóa đơn này. Sau đó kế toán thực hiện điều chỉnh theo giá thực tế khi đã có hóa đơn.

Các khoản chiết khấu thanh toán, giảm giá hàng bán của người bán được hạch toán tương ứng với khoản phải trả có liên quan để ghi giảm số nợ phải trả phát sinh ban đầu.

2.15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính bao gồm thuế thu nhập phải trả trong năm.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thể hiện số thuế phải nộp trong năm tài chính theo thuế suất được áp dụng vào ngày kết thúc năm tài chính và bất kỳ bút toán điều chỉnh đối với số thuế phải nộp của năm trước.

2.16. Nguồn vốn chủ sở hữu

a) Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu Công ty được ghi nhận theo giá trị thực góp.

b) Ghi nhận cổ tức

Các cổ tức trả cho các cổ phần ưu đãi phải hoàn trả được ghi nhận là một khoản nợ phải trả trên cơ sở dồn tích. Các cổ tức khác được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam. Cổ tức được công bố từ phần lợi nhuận chưa phân phối dựa trên tỷ lệ góp vốn hợp pháp của từng cổ đông.

2.17. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua.

b) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được các chi phí đã được ghi nhận.

Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Hà Nội

Thuyết minh Báo cáo Tài chính

cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

c) Tiền lãi, bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia

Tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ các giao dịch tương ứng và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Tiền bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.18. Thuê hoạt động

Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê.

2.19. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

2.20. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán mà cung cấp thêm thông tin về tình hình tài chính của Công ty tại ngày khóa sổ kế toán ("các sự kiện điều chỉnh") được phản ánh trên báo cáo tài chính. Các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán không phải là các sự kiện điều chỉnh được trình bày trên thuyết minh báo cáo tài chính nếu trọng yếu.

2.21. Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, như được định nghĩa trong Hệ thống Kế toán Việt Nam, được trình bày ở các thuyết minh thích hợp của các báo cáo tài chính này.

2.22. Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong các mẫu báo cáo của Hệ thống Kế toán Việt Nam không thể hiện trên các báo cáo tài chính thì được hiểu là có số dư bằng không.

Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Hà Nội

Thuyết minh Báo cáo Tài chính
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

3. Tiền

Nội dung	31.12.2014	31.12.2013
Tiền mặt tại quỹ	57.527.694	1.005.612.083
Tiền gửi ngân hàng	37.426.812	6.419.514.070
	94.954.506	7.425.126.153

4. Các khoản phải thu khác

Nội dung	31.12.2014	31.12.2013
Phải thu về cổ phần hóa	44.475.000	50.675.000
Phí dịch vụ tư vấn pháp lý	681.670.178	-
Phải thu khác	392.779.041	392.779.041
	1.118.924.219	443.454.041

5. Hàng tồn kho

Nội dung	31.12.2014	31.12.2013
Hàng hóa	4.302.755.003	9.989.652.748
Hàng gửi đi bán	3.798.583.150	-
	8.101.338.153	9.989.652.748

6. Chi phí trả trước ngắn hạn

Nội dung	Số dư đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số dư cuối năm
Công cụ, dụng cụ	47.336.035	-	(10.883.034)	36.453.001
Chi phí thuê kho	-	2.727.272	(2.727.272)	-
Chi phí thuê văn phòng	36.691.200	91.728.000	(73.382.400)	55.036.800
	84.027.235	94.455.272	(86.992.706)	91.489.801

7. Tài sản ngắn hạn khác

Nội dung	31.12.2014	31.12.2013
Tạm ứng	2.579.660.078	3.350.635.954
	2.579.660.078	3.350.635.954

Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Hà Nội

Thuyết minh Báo cáo Tài chính
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

8. Tài sản cố định hữu hình

Nội dung	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	3.463.998.941	1.508.564.071	32.000.000	5.004.563.012
Tăng trong năm	405.500.549	-	-	405.500.549
<i>Trong đó:</i>				
Xây dựng mới	405.500.549	-	-	405.500.549
Giảm trong năm	(726.412.454)	(775.547.414)	(32.000.000)	(1.533.959.868)
<i>Trong đó:</i>				
Thanh lý, nhượng bán	(726.412.454)	(775.547.414)	(32.000.000)	(1.533.959.868)
Số dư cuối năm	3.143.087.036	733.016.657	-	3.876.103.693
Giá trị hao mòn				
Số dư đầu năm	1.657.575.970	1.095.568.666	22.666.665	2.775.811.301
Tăng trong năm	181.453.691	146.056.569	9.333.335	336.843.595
Giảm trong năm	(404.340.633)	(642.498.551)	(32.000.000)	(1.078.839.184)
<i>Trong đó:</i>				
Thanh lý, nhượng bán	(404.340.633)	(642.498.551)	(32.000.000)	(1.078.839.184)
Số dư cuối năm	1.434.689.028	599.126.684	-	2.033.815.712
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	1.806.422.971	412.995.405	9.333.335	2.228.751.711
Số dư cuối năm	1.708.398.008	133.889.973	-	1.842.287.981

- Nguyên giá của số tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn đang được sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 226 triệu đồng (31.12.2013: 459 triệu đồng).

9. Tài sản cố định vô hình

Nội dung	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	95.000.000	95.000.000
Số dư cuối năm	95.000.000	95.000.000
Giá trị hao mòn		
Số dư đầu năm	56.500.000	56.500.000
Khấu hao trong năm	17.000.000	17.000.000
Số dư cuối năm	73.500.000	73.500.000
Giá trị còn lại		
Số dư đầu năm	38.500.000	38.500.000
Số dư cuối năm	21.500.000	21.500.000

Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Hà Nội

Thuyết minh Báo cáo Tài chính
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Nội dung	Số dư đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển trong năm	Số dư cuối năm
Dự án 389 La Thành	3.583.861.756	-	-	3.583.861.756
Dự án 247 Thụy Khuê	92.652.455	-	-	92.652.455
Dự án 44B Hàng Bò	3.430.157.100	2.332.419.612	-	5.762.576.712
Dự án 12M Cát Linh	107.399.454	-	-	107.399.454
	7.214.070.765	2.332.419.612	-	9.546.490.377

11. Bất động sản đầu tư

Nội dung	Nhà cửa, vật kiến trúc	Tổng cộng
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	8.466.135.287	8.466.135.287
Số dư cuối năm	8.466.135.287	8.466.135.287
Giá trị hao mòn		
Số dư đầu năm	1.271.316.216	1.271.316.216
Khấu hao trong năm	241.889.580	241.889.580
Số dư cuối năm	1.513.205.796	1.513.205.796
Giá trị còn lại		
Số dư đầu năm	7.194.819.071	7.194.819.071
Số dư cuối năm	6.952.929.491	6.952.929.491

12. Chi phí trả trước dài hạn

Nội dung	Số dư đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số dư cuối năm
Chi phí trợ cấp thôi việc	832.159.283	301.133.250	(627.519.282)	505.773.251
Chi phí lãi ngân hàng chờ phân bổ	1.107.000.000	-	-	1.107.000.000
Lợi thế kinh doanh	2.902.477.699	-	(145.123.884)	2.757.353.815
Chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng	-	818.181.819	-	818.181.819
	4.841.636.982	1.119.315.069	(772.643.166)	5.188.308.885

13. Tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước

Nội dung	Số dư đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số dư cuối năm
Thuế GTGT được khấu trừ				
Thuế GTGT đầu vào	-	2.655.034.882	(2.655.034.882)	-
	-	2.655.034.882	(2.655.034.882)	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước				
Thuế GTGT hàng bán nội địa	2.273.513.246	3.241.239.914	(5.438.033.918)	76.719.242
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.304.962.749	-	(4.325.129.137)	(20.166.388)
Thuế thu nhập cá nhân	23.061.908	44.056.986	(44.818.439)	22.300.455
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	1.100.744.177	1.258.849.216	(50.969.050)	2.308.624.343
Thuế môn bài	-	10.000.000	(10.000.000)	-
	7.702.282.080	4.554.146.116	(9.868.950.544)	2.387.477.652

Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Hà Nội

Thuyết minh Báo cáo Tài chính

cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

13.1. Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất thuế giá trị gia tăng theo quy định của pháp luật hiện hành.

13.2. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với mức thuế suất là 22% trên lợi nhuận chịu thuế từ ngày 1 tháng 1 năm 2014 và mức 20% kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2016.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Nội dung	2014	2013
Lợi nhuận/(lỗ) thuần trước thuế	22.418	7.625.132.136
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận/(lỗ)	-	-
Doanh thu chuyển nhượng bất động sản (BDS) năm 2013 được ghi một phần vào 2012	-	1.500.000.000
Các khoản phạt	-	817.283
Lợi nhuận/(lỗ) điều chỉnh trước thuế	22.418	9.125.949.419
Lỗ năm trước chuyển sang	-	-
Thu nhập chịu thuế năm hiện hành	22.418	9.125.949.419
Thu nhập chịu thuế từ hoạt động chuyển nhượng BĐS	-	17.300.516.548
Thu nhập chịu thuế từ hoạt động kinh doanh chính	-	(8.174.567.129)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả trong năm	-	4.325.129.137
Thuế TNDN phải trả hoạt động chuyển nhượng BĐS	-	4.325.129.137
Thuế TNDN phải trả hoạt động kinh doanh chính	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải trả đầu năm	4.304.962.749	(16.487.344)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã trả trong năm	(4.325.129.137)	(3.679.044)
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải trả cuối năm	(20.166.388)	4.304.962.749

13.3. Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định của pháp luật hiện hành.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Hà Nội

Thuyết minh Báo cáo Tài chính
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

14. Các khoản phải trả, phải nộp khác

Nội dung	31.12.2014	31.12.2013
Kinh phí công đoàn	23.172.358	17.326.110
Phải trả về cổ phần hóa	90.800.000	90.800.000
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	27.500.000	111.500.000
Cổ tức phải trả	2.395.400.620	8.998.341
Lãi vay phải trả (vay cá nhân)	72.378.790	259.355
Thù lao hội đồng quản trị	59.200.000	100.000.000
Các khoản phải trả khác	2.012.500	336.359.081
	2.670.464.268	665.242.887

15. Chi phí phải trả

Nội dung	31.12.2014	31.12.2013
Chi phí thuê đất	498.672.664	324.563.993
	498.672.664	324.563.993

16. Doanh thu chưa thực hiện

Nội dung	31.12.2014	31.12.2013
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Tổng hợp Hai Bà Trưng - 205 Bà Triệu	11.948.904.965	12.364.530.629
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Ba Đình số 1	24.135.339.545	19.090.909.091
Doanh thu chưa thực hiện khác	-	35.000.000
	36.084.244.510	31.490.439.720

17. Vay và nợ

Nội dung	31.12.2014	31.12.2013
Vay và nợ ngắn hạn	11.529.000.000	18.048.236.662
Vay ngân hàng	1.861.500.000	4.876.236.662
Vay các bên liên quan	300.000.000	700.000.000
Vay các đối tượng khác	9.367.500.000	12.472.000.000
	11.529.000.000	18.048.236.662

Chi tiết các khoản vay và nợ như sau:

Nội dung	Kỳ hạn vay (tháng)	Thời hạn trả nợ	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo	Số dư 31.12.2014
Vay và nợ ngắn hạn					11.529.000.000
Vay ngân hàng					1.861.500.000
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	3 - 4	26/7/2013	10,5	Tài sản	1.861.500.000
Vay các bên liên quan					300.000.000
- Tổng Công ty Thương mại Hà Nội	-	-	13,5	Tín chấp	300.000.000
Vay các đối tượng khác					9.367.500.000
- Các cá nhân khác	-	-	10,5 - 14,5	Tín chấp	9.367.500.000
					11.529.000.000

Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Hà Nội

Thuyết minh Báo cáo Tài chính
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

18. Vốn chủ sở hữu

18.1. Tình hình biến động nguồn vốn chủ sở hữu trong năm như sau

Nội dung	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư 31.12.2012	10.000.000.000	2.395.210	1.695.578.934	370.995.039	152.807.604	12.221.776.787
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	3.300.002.999	3.300.002.999
Trích thù lao cho HĐQT	-	-	-	-	(160.000.000)	(160.000.000)
Giảm khác	-	(2.395.210)	-	-	-	(2.395.210)
Số dư 31.12.2013	10.000.000.000	-	1.695.578.934	370.995.039	3.292.810.603	15.359.384.576
Lãi trong năm	-	-	-	-	22.418	22.418
Trích lập các quỹ	-	-	157.000.150	314.000.300	-	471.000.450
Phân phối lợi nhuận (*)	-	-	-	-	(3.014.402.879)	(3.014.402.879)
Giảm khác	-	-	-	(8.193.026)	-	(8.193.026)
Số dư 31.12.2014	10.000.000.000	-	1.852.579.084	676.802.313	278.430.142	12.807.811.539

(*) Công ty phân phối lợi nhuận sau thuế theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 79/NQ-VLXD- ĐHCĐ ngày 8 tháng 5 năm 2014 như sau:

Nội dung	Số tiền
Quỹ dự phòng tài chính	314.000.300
Quỹ đầu tư phát triển	157.000.150
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	157.000.150
Chia 95% cổ tức cho cổ đông	2.386.402.279
	3.014.402.879

Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Hà Nội

Thuyết minh Báo cáo Tài chính
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

18.2. Chi tiết vốn cổ phần

Cổ đông	31.12.2014		31.12.2013	
	Tổng số	Vốn cổ phần thường	Tổng số	Vốn cổ phần thường
Tổng Công ty Thương mại Hà Nội	5.100.000.000	5.100.000.000	5.100.000.000	5.100.000.000
Nguyễn Bá Tuấn	100.900.000	100.900.000	100.900.000	100.900.000
Đặng Thị Mùi	303.000.000	303.000.000	303.000.000	303.000.000
Các cổ đông khác	4.496.100.000	4.496.100.000	4.496.100.000	4.496.100.000
	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000

18.3. Tình hình biến động vốn cổ phần trong năm như sau

Nội dung	2014	2013
Vốn cổ phần đầu năm	10.000.000.000	10.000.000.000
Vốn cổ phần tăng trong năm	-	-
Vốn cổ phần giảm trong năm	-	-
Vốn cổ phần cuối năm	10.000.000.000	10.000.000.000

18.4. Cổ phần

Nội dung	31.12.2014	31.12.2013
Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	1.000.000	1.000.000
Số lượng cổ phần đã phát hành	1.000.000	1.000.000
Cổ phần thường	1.000.000	1.000.000
Cổ phần ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phần mua lại	-	-
Cổ phần thường	-	-
Cổ phần ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phần đang lưu hành	1.000.000	1.000.000
Cổ phần thường	1.000.000	1.000.000
Cổ phần ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần.	-	-

19. Doanh thu

Nội dung	2014	2013
Doanh thu bán hàng hóa	25.229.694.068	41.554.201.630
Doanh thu từ bán bất động sản	-	23.954.545.454
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.436.762.997	815.630.773
	27.666.457.065	66.324.377.857

Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Hà Nội

Thuyết minh Báo cáo Tài chính

cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

20. Giá vốn hàng bán

Nội dung	2014	2013
Giá vốn của hàng hóa đã bán	20.676.843.329	37.261.301.075
Giá vốn của bất động sản đã bán	-	8.154.028.806
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.998.719.201	431.587.887
	22.675.562.530	45.846.917.768

21. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

Nội dung	2014	2013
Chi phí mua hàng hóa	20.676.843.329	35.067.037.021
Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp	1.608.981.327	2.151.124.854
Chi phí nhân công trực tiếp	37.735.990	43.139.200
Chi phí khấu hao	241.889.580	241.889.580
Chi phí dịch vụ mua ngoài	110.112.304	8.343.727.113
	22.675.562.530	45.846.917.768

22. Doanh thu hoạt động tài chính

Nội dung	2014	2013
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.623.630	2.475.463
Lãi bán hàng trả chậm	1.445.071.871	20.000.000
	1.446.695.501	22.475.463

23. Chi phí tài chính

Nội dung	2014	2013
Lãi tiền vay	1.257.576.718	3.651.658.094
	1.257.576.718	3.651.658.094

24. Chi phí bán hàng

Nội dung	2014	2013
Lương nhân viên bán hàng	494.042.723	1.325.931.671
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.946.809.358	1.803.091.144
Chi phí khấu hao	212.264.496	190.326.827
Chi phí công cụ, dụng cụ	942.601	9.784.210
Chi phí khác	1.363.636	77.300
	2.655.422.814	3.329.211.152

Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Hà Nội

Thuyết minh Báo cáo Tài chính
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

25. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Nội dung	2014	2013
Chi phí nhân viên quản lý	1.757.419.043	4.893.646.966
Chi phí vật liệu quản lý	-	2.000.000
Chi phí đồ dùng văn phòng	10.062.992	34.267.148
Chi phí khấu hao	141.579.099	175.436.420
Thuế, phí và lệ phí	171.542.509	327.590.375
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.164.676.745	571.275.264
Chi phí khác	445.666.567	9.434.714
	3.690.946.955	6.013.650.887

26. Thu nhập khác

Nội dung	2014	2013
Thu tiền thi hành án 249, Thụy Khuê	1.127.146.300	-
Thu thanh lý tài sản cố định, công cụ dụng cụ	410.556.704	-
Tiền hỗ trợ di dời nhà số 6, Hàng Thùng	19.500.000	-
Xử lý công nợ	99.200.000	-
Thu tiền đền bù giải phóng mặt bằng	-	128.000.000
	1.656.403.004	128.000.000

27. Chi phí khác

Nội dung	2014	2013
Chi phí thi hành án	33.140.464	-
Giá trị còn lại tài sản cố định thanh lý	455.120.684	-
Tiền phạt vi phạm hành chính	1.762.987	817.283
Chi phí khác	-	7.466.000
	490.024.135	8.283.283

28. Lãi cơ bản trên cổ phần

Nội dung	2014	2013
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông phổ thông		
- Lợi nhuận thuần trong năm	22.418	3.300.002.999
- Cổ tức chia cho cổ phần ưu đãi	-	-
Lợi nhuận thuần chia cho cổ đông phổ thông	-	3.300.002.999
Số lượng cổ phần phổ thông bình quân trong năm		
- Số lượng cổ phần đầu năm	1.000.000	1.000.000
- Số lượng cổ phần bình quân phát hành trong năm	-	-
- Số lượng cổ phần bình quân mua lại trong năm	-	-
Số lượng cổ phần bình quân trong năm	1.000.000	1.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phần	-	3.300

Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Hà Nội

Thuyết minh Báo cáo Tài chính
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

29. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

29.1. Trong năm, các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	Giá trị	
			2014	2013
Tổng công ty Thương mại Hà Nội	Công ty mẹ	Lãi vay phải trả	69.261.110	-
		Thuê văn phòng	423.953.443	261.676.485
		Vay	-	700.000.000

29.2. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	Giá trị	
			31.12.2014	31.12.2013
Phải trả người bán				
Tổng công ty Thương mại Hà Nội	Công ty mẹ	Thuê văn phòng và mua hàng	(356.510.648)	(298.367.429)
Vay				
Tổng công ty Thương mại Hà Nội	Công ty mẹ	Vay ngắn hạn	(300.000.000)	(700.000.000)

30. Công cụ tài chính

30.1. Quản lý rủi ro tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản vay và nợ, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các tài sản tài chính khác như tiền và tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty.

Rủi ro trọng yếu phát sinh từ các công cụ tài chính của Công ty là rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh toán.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau.

a) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ các khoản đặt cọc và các khoản đầu tư tài chính.

Các phân tích độ nhạy như trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và 31 tháng 12 năm 2013.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi.

Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Hà Nội

Thuyết minh Báo cáo Tài chính
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

i) Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các nghĩa vụ nợ dài hạn có lãi suất thả nổi của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường liên quan, bao gồm thị trường tiền tệ và kinh tế trong nước và quốc tế. Trên cơ sở đó, Công ty dự tính và điều chỉnh mức đòn bẩy tài chính cũng như chiến lược tài chính theo tình hình hiện tại.

Độ nhạy đối với lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay và nợ đối với sự thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện như dưới đây.

Với giả định là các biến số khác không đổi, các biến động trong lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi có ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế của Công ty như sau:

Nội dung	Tăng/ giảm điểm cơ bản	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014		
VND	+200	230.580.000
VND	-200	(230.580.000)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013		
VND	+175	315.844.142
VND	-175	(315.844.142)

Mức tăng/giảm điểm cơ bản sử dụng để phân tích độ nhạy đối với lãi suất được giả định dựa trên các điều kiện có thể quan sát được của thị trường hiện tại.

ii) Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi tỷ giá hối đoái. Rủi ro về thay đổi tỷ giá ngoại tệ của Công ty chủ yếu liên quan đến các hoạt động của Công ty như tiền gửi, huy động vốn vay có nguồn gốc ngoại tệ và các hoạt động kinh doanh hàng ngày khác. Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về ngoại hối.

Rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái với các loại ngoại tệ của Công ty là không đáng kể.

iii) Rủi ro về giá hàng hóa

Công ty không có rủi ro đáng kể về giá hàng hóa. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường hàng hóa và thông qua các nhà thầu nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý. Công ty chưa sử dụng các công cụ tài chính phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa.

b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng cũng như các khoản cho vay.

Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Hà Nội

Thuyết minh Báo cáo Tài chính

cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

i) Phải thu khách hàng, Phải thu khác

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua việc thường xuyên theo dõi các khoản phải thu/cho vay chưa thu được và tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu còn tồn đọng tại ngày báo cáo.

ii) Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong bảng cân đối kế toán tại mỗi kỳ lập báo cáo tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 3. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

iii) Các công cụ tài chính khác

Ban Giám đốc của Công ty đánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt ngoại trừ các khoản phải thu đã được lập dự phòng.

c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản trị rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở đã được chiết khấu như sau:

Ngày 31.12.2014	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Vay ngắn hạn	11.529.000.000	-	-	11.529.000.000
Phải trả người bán	1.065.620.106	-	-	1.065.620.106
Chi phí phải trả	498.672.664	-	-	498.672.664
Phải trả khác	2.670.464.268	-	-	2.670.464.268
	15.763.757.038	-	-	15.763.757.038

Ngày 31.12.2013	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Vay ngắn hạn	18.048.236.662	-	-	18.048.236.662
Phải trả người bán	3.525.500.473	-	-	3.525.500.473
Chi phí phải trả	324.563.993	-	-	324.563.993
Phải trả khác	665.242.887	-	-	665.242.887
	22.563.544.015	-	-	22.563.544.015

Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Hà Nội

Thuyết minh Báo cáo Tài chính
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

30.2. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty như sau:

Tài sản tài chính	31.12.2014		31.12.2013	
	Nguyên giá	Dự phòng	Nguyên giá	Dự phòng
Tiền và các khoản tương đương tiền	94.954.506	-	7.425.126.153	-
Phải thu khách hàng	30.212.088.500	-	35.298.351.957	-
Phải thu khác	1.118.924.219	-	443.454.041	-
	31.425.967.225	-	43.166.932.151	

Nợ phải trả tài chính	31.12.2014	31.12.2013
Vay và nợ	11.529.000.000	18.048.236.662
Phải trả người bán	1.065.620.106	3.525.500.473
Chi phí phải trả	498.672.664	324.563.993
Phải trả khác	2.670.464.268	665.242.887
	15.763.757.038	22.563.544.015

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp giả định sau đây để ước tính giá trị hợp lý:


- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Các khoản vay ngân hàng và các khoản nợ phải trả tài chính mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản các cho các khoản vay và các khoản nợ phải trả tài chính này thì được trình bày bằng giá trị ghi sổ.

31. Phê chuẩn báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính này được phê chuẩn để phát hành ngày 5 tháng 2 năm 2015.



BẠCH ANH ĐÀO
Giám đốc


HOÀNG KIM DUNG
Kế toán trưởng